

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2019/DS-PT  
Ngày: 10-10-2019  
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân  
sự - hợp đồng hui.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Phương.

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Phước Tự.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Ông Nguyễn Văn Tón – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2018/TLPT-DS, ngày 26 tháng 12 năm 2018, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự - hợp đồng hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2018/DS-ST ngày 03/10/2018 của Toà án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 361/2019/QĐ-PT, ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tố N, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân K, huyện Tháp M, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Q, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ H, huyện Tháp M, Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Chị Trần Thị Q là bị đơn trong vụ án.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn Nguyễn Thị Tố N trình bày:** Nguyên vào năm 2015, chị có mở tổ hùng vốn xoay vòng có lãi suất và hoa hồng. Trong đó chị Q có tham gia các đầu hụi và chị Q đã hốt nhưng đến nay không đóng hụi chết cho chị gồm các dây hụi sau:

- Hụi 29/02/2016 (âm lịch) hụi tháng 2.000.000đồng gồm 18 thành viên, chị Q tham gia 03 phần, chị Q đã hốt hết 03 phần đến nay đã 07 kỳ chị Q chưa đóng hụi chết số tiền còn nợ là 42.000.000 đồng.

- Hụi 13/12/2015 (âm lịch) hụi mùa lúa 10.000.000đồng gồm 11 thành viên tham gia, chị Q tham gia 2 phần, chị Q đã hốt hết 01 phần, còn 01 phần hụi sống đến nay đã 2 kỳ hụi chết chị Q chưa đóng, hụi chết số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng.

- Hụi 06/3/2016 (âm lịch) hụi tháng 1.000.000đồng gồm 21 thành viên , chị Q tham gia 2 phần, chị Q đã hốt hết 2 phần đến nay đã 7 kỳ chị Q chưa đóng hụi chết số tiền còn nợ là 14.000.000 đồng.

- Hụi 20/3/2015 (âm lịch) hụi 3 tháng 3.000.000đồng gồm 16 thành viên tham gia , chị Q tham gia 2 phần, chị Q đã hốt hết 2 phần đến nay đã 3 kỳ chị Q chưa đóng hụi chết số tiền còn nợ là 18.000.000 đồng.

- Hụi 13/12/2015 (âm lịch) hụi tháng 1.000.000đồng gồm 22 thành viên tham gia, chị Q tham gia 3 phần, chị Q đã hốt hết 3 phần đến nay đã 7 kỳ chị Q chưa đóng hụi chết số tiền còn nợ là 21.000.000 đồng.

Tổng cộng chị N yêu cầu chị Q trả tiền hụi còn thiếu với số tiền là 115.000.000 đồng.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Tố N trình bày bổ sung: Chị không đồng ý trả cho chị Q 47.400.000 đồng, do chị Q tham gia chơi hụi đã hốt hụi xong không đóng hụi chết hiện tại chị Q còn nợ chị là 115.000.000đồng; nay chị Q yêu cầu chị trả 47.400.000đồng chị không đồng ý, chị chỉ đồng ý trả cho chị Q số tiền là 18.000.000 đồng.

**Bị đơn Trần Thị Q trình bày:** Chị và chị N là bạn thân, chị N làm đầu thảo hụi vào tháng 12/2015 chị N có rủ chị tham gia hụi mùa lúa 4 tháng khui 1 lần, chị tham gia 02 phần chị đóng được 4 kỳ hụi sống, sau đó chị N không cho chị hốt nên chị ngưng không đóng hụi đến nay đã hai kỳ. Tổng số tiền chị đóng cho chị N 04 lần hụi sống là 47.400.000đồng; nay chị yêu cầu chị N trả lại cho chị 47.400.000đồng tiền hụi mà chị đã đóng, còn các dây hụi còn lại chị không có tham gia nên chị không đồng ý trả cho chị N 115.000.000 đồng;

***Bản án sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 03/10/2018 và Quyết định số 02/2018/QĐ-SCBSBA ngày 09/10/2018 về việc sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tháp M tuyên xử:***

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tố N.
- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Trần Thị Q.

Buộc chị Trần Thị Q phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Tố N số tiền nợ hui là 97.000.000đ (Chín mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Trần Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 6.320.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.185.000 đồng theo biên lai số 15012 ngày 10/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp M. Chị Trần Thị Q còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 5.135.000 đồng.

+ Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Tố N 2.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14881 ngày 25/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp M.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Trần Thị Q kháng cáo với nội dung:

- Chị Trần Thị Q không đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Tố N số tiền là 97.000.000đ.
- Yêu cầu chị N trả cho chị Q số tiền hui đã đóng là 47.400.000đ trong dây hui khai tháng 12/2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Q giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa phúc thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N và buộc chị N trả lại tiền đóng hui của dây hui 10.000.000đ/mùa lúa với số tiền là 47.400.000đ.

Nguyên đơn chị N giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu chị Q trả số tiền hui mà chị N đã nộp thay chị Q trong 05 dây hui chị Q tham gia, sau khi trừ

18.000.000đ tiền vốn chị Q đóng 01 phần của dây hụi 10 triệu, còn lại là 97.000.000đ, yêu cầu Tòa phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định pháp luật; về nội dung Kiểm sát viên nhận định và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Q giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tuy 05 dây hụi chị N kiện chị Q, chị N không có giấy tờ chứng minh việc chị Q hốt được hụi, giao nhận tiền hụi, nhưng chị N đều có giấy danh sách hụi viên, có tên Q hoặc tên vợ anh Phũ, tức là chị Q đầy đủ trong 05 danh sách của 5 dây hụi này, có xác nhận của ông S Trưởng ấp và phần lớn số người có tham gia chơi chung 05 dây hụi này có lời khai làm chứng đều xác định có chị Q tham gia chơi hụi chung do có tên hụi viên trong danh sách hụi và có tham dự khi khui hụi gặp nhau, có biết được việc chị Q hốt được hụi, cũng như việc chơi hụi này chủ yếu là dựa trên uy tín, tập quán mà chơi, không có việc ghi giấy tờ khi hụi viên đóng tiền hụi và khi chủ hụi giao tiền hốt được hụi cho hụi viên. Như vậy, việc chị Q thừa nhận chỉ có tham gia 02 phần của 01 dây hụi mùa lúa 10.000.000đ, không tham gia 04 dây hụi còn lại là không có cơ sở, mà thực chất chị Q có tham gia cả 05 dây hụi bị kiện là đúng sự thật.

[2] Tuy vậy, việc theo dõi góp tiền hụi của chị N thì chị cũng có lập danh sách hụi, ghi tên từng hụi viên và kẻ theo hàng ngang từng ô cho từng lần góp tiền hụi, hụi viên nào đã có góp tiền hụi của kỳ mở hụi đó thì chị N ghi chữ R ngay hàng ngang tên hụi viên đó, giấy theo dõi này chị N đã nộp vào hồ sơ vụ án đủ 05 dây hụi mà chị khởi kiện; dựa vào giấy theo dõi này chứng tỏ:

[2.1] Dây hụi 10.000.000đ theo vụ mùa cả 02 phần hụi của chị Q đều đóng tiền hụi đến kỳ thứ 04, chị Q đã hốt 01 phần, đến thời điểm khởi kiện 13/7/2017 là khui hụi đến lần 05 (vụ hè thu 2017), như vậy chị N trản tiền nộp thay chị Q 01 kỳ bằng 10.000.000đ, chứ không phải 02 kỳ bằng 20.000.000đ như chị N kiện yêu cầu và 01 phần còn lại chị Q đã đóng hụi sống 04 kỳ là bằng 23.700.000đ là có cơ sở, phần hụi này chị N đã ngừng mở hụi đối với chị Q, nên chị N phải hoàn trả tiền hụi này lại cho chị Q là hợp lý;

[2.2] Dây hụi 3.000.000đ/03tháng ngày 20/3/2015, dây hụi này chị Q nộp tiền hụi 09 kỳ, tức là đến kỳ tháng 03/2017, khui tiếp kỳ 10 là tháng 6/2017 chị

Q không nộp tiền hối, như vậy, chị N khởi kiện ngày 13/7/2017 là chị N trần nộp thay chị Q 01 kỳ x 2 phần = 6.000.000đ, chứ không phải là 03 kỳ = 18.000.000đ như chị N yêu cầu;

[2.3] Dây hối 2.000.000đ/tháng ngày 29/02/2016, dây hối này chị Q tham gia 02 phần, mua lại của chị T 01 phần (chị T có lời khai xác định có bán phần hối này lại cho chị Q), cả 03 phần này chị Q đều đã hốt hối, chị Q nộp tiền hối cả 03 phần đều đến kỳ 13, là tháng 02/2017, chị N khai hối tiếp theo 04 kỳ là đến tháng 6/2017, thời điểm khởi kiện là ngày 13/7/2017 là chưa đến ngày khai hối kỳ thứ 18 tháng 7/2017, như vậy chị N trần nộp tiền hối thay chị Q là 04 kỳ x (3 x 2.000.000đ) = 24.000.000đ, chứ không phải chị N trần tiền hối cho chị Q 07 kỳ = 42.000.000đ như chị N yêu cầu;

[2.4] Còn 02 dây hối 1.000.000đ/tháng. Dây khai ngày 13/12/2015 chị Q đã hốt hối, chị N nộp trần thay tiền hối chết cho chị Q 07 kỳ x 03 phần = 21.000.000đ và hối ngày 06/3/2016 chị Q đã hốt hối, chị N nộp trần tiền hối chết thay chị Q 07 kỳ x 2 phần = 14.000.000đ theo như khởi kiện yêu cầu của chị N là có cơ sở đúng.

[2.5] Như vậy, tổng cộng 05 dây hối chị N nộp trần thay tiền hối cho chị Q, chị Q chưa trả lại cho chị N là (10.000.000đ + 6.000.000đ + 24.000.000đ + 14.000.000đ + 21.000.000đ) = 75.000.000đ, số tiền này chị Q phải có nghĩa vụ trả lại cho chị N.

[3] Đồng thời 01 phần hối 10.000.000đ chị Q nộp tiền hối sống 04 lần bằng 23.700.000đ, chị N đã ngừng khai hối này với chị Q, nên chị N phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này lại cho chị Q.

[4] Do hai bên đều có nghĩa vụ trả tiền cho nhau, nên được tính toán đối trừ, chị Q còn phải trả cho chị N tổng cộng số tiền (75.000.000đ – 23.700.000đ) = 51.300.000đ là phù hợp.

[5] Tất cả 05 dây hối này đến thời điểm chị N khởi kiện đều chưa kết thúc, chị N kiện đối với các kỳ hối đã khai mà chị Q không nộp tiền hối chết, chị N bỏ tiền ra trần nộp thay chị Q tổng số tiền như nhận định trên, còn phần khai hối tiếp theo cho đến khi mãn hạn các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét chung trong vụ án này.

[6] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Q giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp, nên không được chấp nhận.

[7] Từ những nội dung nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận án sơ thẩm quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị N là không chính xác, không phù

hợp; yêu cầu kháng cáo của chị Q có 01 phần căn cứ, được chấp nhận 01 phần, nên cấp phúc thẩm cần thiết phải sửa 01 phần bản án sơ thẩm chấp nhận 01 phần yêu cầu của chị N như nhận định trên là có căn cứ phù hợp.

[8] Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm và án phí sơ thẩm cũng được sửa lại cho phù hợp quy định pháp luật.

[9] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Trần Thị Q; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu về tiền hui của chị Nguyễn Thị Tố N đối với chị Trần Thị Q. Buộc chị Trần Thị Q trả cho chị Nguyễn Thị Tố N số tiền nợ hui là 51.300.000 đồng (Năm mươi một triệu, ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Q chưa thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị Q còn phải trả lãi cho chị N theo mức lãi quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng số tiền, thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí:

+ Chị Nguyễn Thị Tố N phải nộp 2.285.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.875.000 đồng ngày 25/7/2017 theo biên lai thu số 14881 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp M, Đồng Tháp, chị N còn được nhận lại 590.000 đồng (Năm trăm chín mươi nghìn đồng).

+ Chị Trần Thị Q phải nộp 2.565.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 1.185.000đ ngày 10/8/2017 theo biên lai thu số 15012 và 300.000đ ngày 16/10/2018 theo biên lai thu số 0003770 của Chi cục thi hành án dân sự huyện

Tháp M, chị Q còn phải nộp thêm số tiền là 1.080.000 đồng (Một triệu, không trăm, tám mươi nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Tháp M;
- CCTHADS huyện Tháp M;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Văn Phương**